

Nghiên cứu Chiến lược Phát triển Liên kết Thành phố Đà Nẵng và Vùng phụ cận nước CHXHCN Việt Nam (DaCRISS)

BÁO CÁO CUỐI CÙNG / Phụ lục 8

Các tài liệu Hội thảo

Tháng 12, 2010

Công ty ALMEC

Trung tâm phát triển quốc tế Nhật Bản

**CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN (JICA)
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VÀ VÙNG PHỤ CẬN
Ở NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(DACRISS)**

**BÁO CÁO CUỐI CÙNG
PHỤ LỤC 8**

CÁC TÀI LIỆU HỘI THẢO CỦA DACRISS

Tháng 12 năm 2010

**CÔNG TY ALMEC
TRUNG TÂM HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN**

MỤC LỤC

1 NỘI DUNG TRÌNH BÀY TẠI CÁC CUỘC HỌP BAN CHỈ ĐẠO.....	A8-2
Thảo luận nội dung báo cáo khởi đầu	A8-3
Họp Ban chỉ đạo lần thứ hai DaCRISS	A8-10
Họp Ban chỉ đạo lần thứ ba DaCRISS	A8-26
Họp Ban chỉ đạo lần thứ tư DaCRISS.....	A8-38
Họp Ban chỉ đạo lần thứ năm DaCRISS	A8-55
Họp Ban chỉ đạo lần thứ sáu DaCRISS	A8-66
2 NỘI DUNG TRÌNH BÀY TẠI CÁC HỘI THẢO.....	A8-77
Hội thảo tại Bình Định.....	A8-78
Hội thảo tại Quảng Ngãi	A8-86
Hội thảo tại Thừa Thiên Huế	A8-94
Hội thảo tại Quảng Nam	A8-102
Hội thảo về DaCRISS	A8-110
Hội thảo về DaCRISS: Phân tích hiện trạng và Chiến lược phát triển cho Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung(CFEZ).....	A8-126
Chiến lược phát triển du lịch khu vực miền Trung	A8-135
Hội thảo tập huấn về STRADA:	
A: Quy hoạch Giao thông và STRADA, B: Quy trình kỹ thuật của STRADA.....	A8-139
C: Cài đặt STRADA & Cơ sở dữ liệu của DaCRISS,	
D: Thể hiện và phân tích kết quả với “Highway Reporter”	A8-152
E: Thực hiện ma trận	A8-158
F - G: Thảo luận.....	A8-162
Hội thảo về GIS – thành phố Đà Nẵng	A8-166
Giới thiệu GIS, Hệ thống tin địa lý	A8-186
Cơ sở dữ liệu GIS.....	A8-204
3 NỘI DUNG TRÌNH BÀY TẠI CÁC CUỘC HỌP CHUYÊN NGÀNH	A8-216
Cuộc họp chuyên ngành về Lập quy hoạch chung cho DaCRISS	A8-217
Cuộc họp chuyên ngành về Giao thông Đô thị trong DaCRISS	A8-231
Cuộc họp chuyên ngành về Quản lý môi trường trong DaCRISS	A8-247
Chiến lược phát triển Du lịch cho vùng KTTĐMT (Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam)	A8-260
4 NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP VỚI TỔ ĐỐI TÁC.....	A8-274
Điều kiện tự nhiên, đánh giá, phân vùng môi trường, phân tích phù hợp phát triển bằng cơ sở dữ liệu GIS trong DaCRISS	A8-275
Quá trình xây dựng mạng lưới giao thông đô thị dài hạn	A8-285
Đánh giá điều kiện sống tại thành phố Đà Nẵng –Kỷ yếu đô thị.....	A8-290
Phương hướng xây dựng Đà Nẵng – Thành phố môi trường thế giới.....	A8-293
Quản lý tài chính công: các vấn đề, hành động thực hiện nêu trong Báo cáo giữa kỳ	A8-297
Để thực hiện Đề án Thành phố Môi trường hiệu quả hơn.....	A8-302

Phát triển hạ tầng đô thị và tiện ích cho thành phố Đà Nẵng	A8-306
Phát triển kinh tế	A8-314
Khung kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng.....	A8-321
Ứng dụng GIS của Đà Nẵng	A8-326

***Các tài liệu trình bày của dự án
DaCRISS***

Nội dung trình bày tại các cuộc họp Ban chỉ đạo



Họp Ban Chỉ đạo lần thứ nhất về
Nghiên cứu Chiến lược Phát triển Liên kết
Thành phố Đà Nẵng và Vùng phụ cận
(DaCRISS)

Thảo luận nội dung Báo cáo Khởi đầu

Ngày 10 tháng 7 năm 2008
Đoàn Nghiên cứu JICA

NỘI DUNG THẢO LUẬN

- ★ Bối cảnh Nghiên cứu
- ★ Mục tiêu Nghiên cứu
- ★ Khu vực Nghiên cứu
- ★ Các vấn đề Nghiên cứu chính
- ★ Kế hoạch công việc
- ★ Triển khai nghiên cứu
- ★ Công việc đàm nhận

■ **Bối cảnh Nghiên cứu**

- Xuất phát từ yêu cầu cần đáp ứng đối với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh chóng thông qua phát triển các thành phố quy mô trung bình, trong đó có thành phố Đà Nẵng;
- Đáp ứng yêu cầu thúc đẩy tăng trưởng cạnh tranh và phát triển Vùng Kinh tế Trọng điểm miền Trung;
- Đáp ứng yêu cầu lập các chiến lược khả thi, hiệu quả cho vùng nói chung và TP. Đà Nẵng nói riêng.

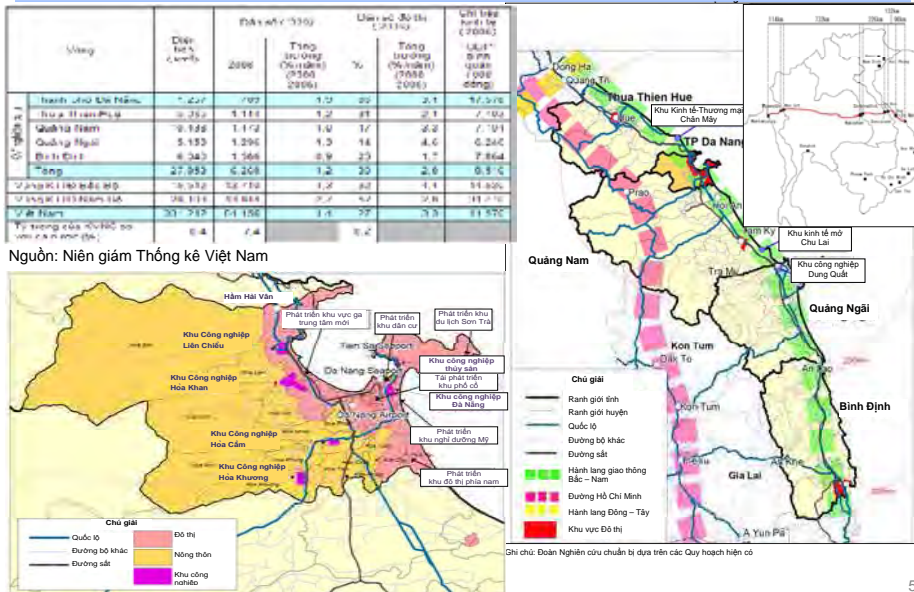
■ **Mục tiêu Nghiên cứu**

- Lập chiến lược phát triển vùng, đô thị liên kết cho TP.Đà Nẵng và các tỉnh phụ cận;
- Lập kế hoạch hành động ngắn hạn đến năm 2015, bao gồm các nghiên cứu tiền khả thi cho các dự án ưu tiên và
- Tiến hành nâng cao năng lực, chủ yếu về công tác quy hoạch và phát triển đô thị, cho các cơ quan và cán bộ trong ngành

■ **Kết quả chính của NC**

- Chiến lược Phát triển Vùng Kinh tế Trọng điểm miền Trung;
- Quy hoạch Tổng thể Phát triển Đô thị cho TP.Đà Nẵng đến năm 2015;
- Chương trình GTVT Đô thị TP. Đà Nẵng;
- Chương trình Môi trường Tổng thể TP. Đà Nẵng;
- Các kế hoạch thực hiện đến năm 2015, và
- Cơ sở dữ liệu về quy hoạch đô thị dựa trên số liệu GIS và phát triển năng lực bao gồm cả thể chế và nguồn nhân lực.

Khu vực Nghiên cứu



5

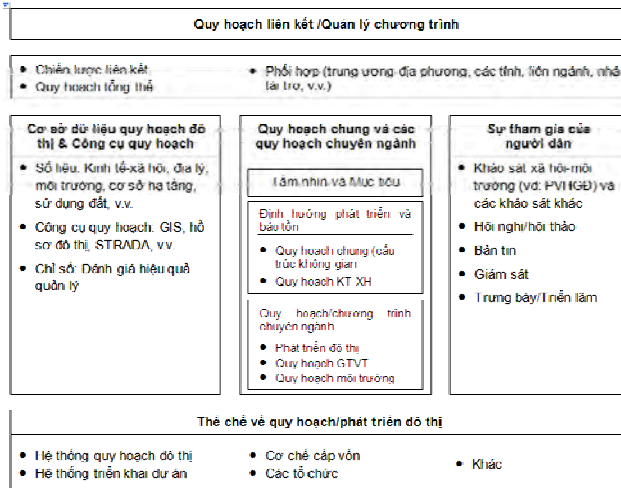
Các vấn đề phát triển chính

- Xác định kịch bản tăng trưởng cạnh tranh cho Vùng KTTĐMT (Khu vực Nghiên cứu)
 - ✓ Không giống với Vùng KTTĐBB và Vùng KTTĐNB
- Lập chiến lược quản lý phát triển/tăng trưởng cho TP. Đà Nẵng
 - ✓ Đà Nẵng sẽ trở thành một động lực thúc đẩy tăng trưởng cho cả vùng
 - ✓ Đà Nẵng sẽ trở thành TP không giống như bất kỳ TP nào tại Việt Nam và khu vực Châu Á.
- Tăng cường liên kết vùng và phối hợp liên tỉnh
 - ✓ Tăng cường liên kết với vùng KTTĐBB và Vùng KTTĐNB và thể giới
 - ✓ Tăng cường liên kết giữa TP. Đà Nẵng và các tỉnh
 - ✓ Liên kết hiệu quả giữa đô thị và nông thôn.

6

Lập Quy hoạch Tổng thể Đô thị Khả thi

Cấu trúc cơ sở và các hợp phần của QHTT Đô thị đề xuất



7

Các vấn đề cần xem xét chính trong quy hoạch

- Quản lý công tác/chương trình quy hoạch liên kết
 - ✓ Liên kết quy hoạch kinh tế-xã hội, các quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch môi trường
 - ✓ Liên kết tầm nhìn, chiến lược, quy hoạch, dự án/kế hoạch hành động
 - ✓ Từ dự án đến chương trình
- Cơ chế thực hiện
 - ✓ Cần được thực hiện ở tất cả các thành phố của Việt Nam
 - ✓ Sẽ áp dụng nhiều phương pháp trong nghiên cứu để TP. Đà Nẵng và Bộ Xây dựng xem xét
- Tham gia và giám sát
 - ✓ QHTT Đô thị theo chiều dọc từ trên xuống không còn hiệu quả
 - ✓ TP. Đà Nẵng sẽ là một mô hình

8

■ Khung Nghiên cứu tổng thể

- NV 1: Công tác chuẩn bị
- NV 2: Thu thập số liệu cần thiết và phân tích hiện trạng
- NV 3: Xác định tầm nhìn & chiến lược
 - ✓ 3A: Lập chiến lược phát triển cho Vùng KTTĐMT
 - ✓ 3B: Lập chiến lược phát triển TP. Đà Nẵng
- NV 4: Lập QHTT Phát triển Đô thị
- NV 5: Lập Chương trình GTVT Đô thị
- NV 6: Lập Chương trình Môi trường Đô thị Bền vững
- NV 7: Đánh giá Môi trường Chiến lược & Các vấn đề xã hội
- NV 8: Lập kế hoạch triển khai đến năm 2015
- NV 9: Phát triển năng lực
- Hội nghị/Hội thảo
- Các cuộc họp Ban Chỉ đạo
- Báo cáo

Tháng/năm	NHIỆM VỤ / HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	BCĐ, BC Hội thảo															
6/2008	NV 1: Công tác chuẩn bị	Báo cáo Khởi đầu															
7	NV 2: Phân tích hiện trạng	Hội thảo (1)															
8	<table border="1"> <tr> <td>2.A</td> <td>2.B</td> <td>2.C</td> <td>2.D</td> <td>2.E</td> </tr> <tr> <td>Đánh giá sự phát triển của Vùng KTTĐ miền Trung</td> <td>Đánh giá các chiến lược phát triển TP. Đà Nẵng</td> <td>Đánh giá công tác quy hoạch GTVT đô thị Đà Nẵng</td> <td>Đánh giá công tác quy hoạch môi trường tổng thể</td> <td>Tiến hành khảo sát bổ sung</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td> <ul style="list-style-type: none"> Điều tra Phòng vấn Hộ gia đình (HIS) Khảo sát xã hội học Khảo sát các cơ sở Khảo sát giao thông Khác </td> </tr> </table> <p>2.F Vấn đề và chương trình quy hoạch</p>	2.A	2.B	2.C	2.D	2.E	Đánh giá sự phát triển của Vùng KTTĐ miền Trung	Đánh giá các chiến lược phát triển TP. Đà Nẵng	Đánh giá công tác quy hoạch GTVT đô thị Đà Nẵng	Đánh giá công tác quy hoạch môi trường tổng thể	Tiến hành khảo sát bổ sung					<ul style="list-style-type: none"> Điều tra Phòng vấn Hộ gia đình (HIS) Khảo sát xã hội học Khảo sát các cơ sở Khảo sát giao thông Khác 	Hội thảo (1)
2.A	2.B	2.C	2.D	2.E													
Đánh giá sự phát triển của Vùng KTTĐ miền Trung	Đánh giá các chiến lược phát triển TP. Đà Nẵng	Đánh giá công tác quy hoạch GTVT đô thị Đà Nẵng	Đánh giá công tác quy hoạch môi trường tổng thể	Tiến hành khảo sát bổ sung													
				<ul style="list-style-type: none"> Điều tra Phòng vấn Hộ gia đình (HIS) Khảo sát xã hội học Khảo sát các cơ sở Khảo sát giao thông Khác 													
9	NV 3: Xác định TN & CL	Hội thảo (2)															
10	<table border="1"> <tr> <td>3.A</td> <td>3.B</td> </tr> <tr> <td>Lập chiến lược phát triển cho Vùng Kinh tế Trọng điểm Trung Bộ</td> <td>Lập chiến lược phát triển TP. Đà Nẵng</td> </tr> <tr> <td> <ul style="list-style-type: none"> Hà soát các quy hoạch hiện có Xem xét các chiến lược phát triển vùng </td> <td> <ul style="list-style-type: none"> Hà soát các quy hoạch hiện có Lập bản chính, chiến lược Lập kịch bản quản lý tăng trưởng </td> </tr> </table>	3.A	3.B	Lập chiến lược phát triển cho Vùng Kinh tế Trọng điểm Trung Bộ	Lập chiến lược phát triển TP. Đà Nẵng	<ul style="list-style-type: none"> Hà soát các quy hoạch hiện có Xem xét các chiến lược phát triển vùng 	<ul style="list-style-type: none"> Hà soát các quy hoạch hiện có Lập bản chính, chiến lược Lập kịch bản quản lý tăng trưởng 	Hội thảo (2)									
3.A	3.B																
Lập chiến lược phát triển cho Vùng Kinh tế Trọng điểm Trung Bộ	Lập chiến lược phát triển TP. Đà Nẵng																
<ul style="list-style-type: none"> Hà soát các quy hoạch hiện có Xem xét các chiến lược phát triển vùng 	<ul style="list-style-type: none"> Hà soát các quy hoạch hiện có Lập bản chính, chiến lược Lập kịch bản quản lý tăng trưởng 																
11	NV 4: Lập Quy hoạch Tổng thể Phát triển Đô thị	Báo cáo Tiến độ															
12	NV 7: Đánh giá Môi trường Chiến lược và Các vấn đề Xã hội	Hội thảo (3)															
1/2/2009	NV 5: Lập Chương trình Giao thông vận tải Đô thị	Báo cáo Giữa kỳ															
3	NV 6: Lập Chương trình Môi trường Đô thị Bền vững	Hội thảo (4)															
4	NV 8: Lập kế hoạch triển khai đến năm 2015	Dự thảo Báo cáo cuối cùng															
5	NV 9: Phát triển năng lực và xây dựng cơ sở dữ liệu	Hội thảo (5)															
6		Báo cáo Cuối cùng															
7																	
8																	
9																	
10/11																	

★ Nhiệm vụ 1 Công tác chuẩn bị

- Rà soát số liệu và thông tin, quy hoạch, nghiên cứu, các dự án hiện có
- Tiến hành các cuộc khảo sát thực tế ban đầu
- Bố trí nhân sự nghiên cứu
- Báo cáo khởi đầu
- Các công việc khác

★ Nhiệm vụ 2 Thu thập số liệu cần thiết và phân tích hiện trạng

- NV 2A về Phát triển Vùng KTTĐMT
 - ✓ Quy hoạch xây dựng do Bộ Xây dựng lập
 - ✓ Quy hoạch phát triển KT-XH do Bộ KHĐT lập
 - ✓ Các quy hoạch của tỉnh
- NV 2B về Chiến lược phát triển TP.Đà Nẵng
 - ✓ QHTT Phát triển Đô thị hiện có
 - ✓ Phối hợp với các hoạt động cập nhật Quy hoạch Xây dựng của Sở XD
- NV 2C về Quy hoạch GTVT Đô thị
 - ✓ Các quy hoạch/dự án GTVT
 - ✓ Phối hợp với Nghiên cứu VITRANSS2 của Bộ GTVT-JICA
- NV 2D về Quy hoạch Môi trường Tổng thể
 - ✓ Quy hoạch Đà Nẵng – Thành phố thân thiện với Môi trường của Sở TNMT
 - ✓ Dự án Đầu tư Hạ tầng Ưu tiên của Ngân hàng Thế giới
- NV 2E thực hiện các cuộc khảo sát bổ sung
 - ✓ Điều tra Phòng vấn Hộ gia đình (HIS) tại TP.Đà Nẵng
 - ✓ Khảo sát phường/xã trong Khu vực Nghiên cứu
 - ✓ Khảo sát các cơ sở tại TP.Đà Nẵng và các tỉnh phụ cận
 - ✓ Các cuộc khảo sát giao thông tại TP. Đà Nẵng và các khu vực khác
- NV 2F Xác định các vấn đề và chương trình quy hoạch

★ Điều tra Phòng vấn Hộ gia đình (HIS)

- Thu thập thông tin toàn diện về đặc điểm KT-XH, đi lại, nhu cầu và mức độ thỏa mãn các dịch vụ đô thị của người dân TP. Đà Nẵng
- Phòng vấn tổng số 5000 hộ và các thành viên tại 47 phường/xã
- Cần thành lập một nhóm khảo sát hợp tác với chính quyền địa phương và người dân.

Nội dung chính của Bảng câu hỏi

- A Thông tin KH-XH
- B Thông tin về chuyển đi
- C Ý kiến và mức độ hài lòng về:
 - ✓ Điều kiện đi lại/GTVT
 - ✓ Các chính sách về GTVT
 - ✓ Các dịch vụ đô thị
 - ✓ Điều kiện sống
 - ✓ Nhà ở
 - ✓ Cấp nước
 - ✓ Vệ sinh
 - ✓ Cảnh quan
 - ✓ Các nội dung khác
- D Mong muốn về sự phát triển trong tương lai

Ghi chú: Xem Mẫu bảng câu hỏi dự kiến

★ Khảo sát phường/xã

- Thu thập thông tin liên quan đến đặc điểm KT-XH, vấn đề, nhu cầu và ý kiến của các phường/xã
- Sẽ tiến hành khảo sát tổng số 671 xã/phường trong KVNC
- Cần có sự hợp tác với lãnh đạo tỉnh và xã/phường trong KVNC

Nội dung chính của Bảng câu hỏi

- A Thông tin về xã/phường
- B Thông tin về làng/xóm
- C Ý kiến đánh giá về hiện trạng, các vấn đề, nhu cầu, sự thỏa mãn đối với:
 - ✓ Các dịch vụ cơ sở hạ tầng
 - ✓ Nguồn thu nhập
 - ✓ Môi trường
- D Mong muốn về sự phát triển trong tương lai

Ghi chú: Xem Mẫu bảng câu hỏi dự kiến

13

★ Khảo sát các cơ sở

- Thu thập thông tin về ý kiến/đánh giá của người dân về môi trường đầu tư, khó khăn trong hoạt động và quản lý của các loại hình cơ sở khác nhau.
- Khảo sát tổng số 500 cơ sở trong khu vực nghiên cứu, bao gồm cơ sở kinh doanh, công nghiệp hoặc cơ quan nhà nước.
- Cần hợp tác với thành phố và các tỉnh

Nội dung chính của Bảng câu hỏi

- A Thông tin về các cơ sở
- B Đánh giá hiện trạng và xác định vấn đề, khó khăn liên quan đến
 - ✓ Hoạt động và quản lý
 - ✓ Môi trường đầu tư
 - ✓ Sự hỗ trợ của nhà nước
- C Mong muốn về sự phát triển/cải tạo trong tương lai

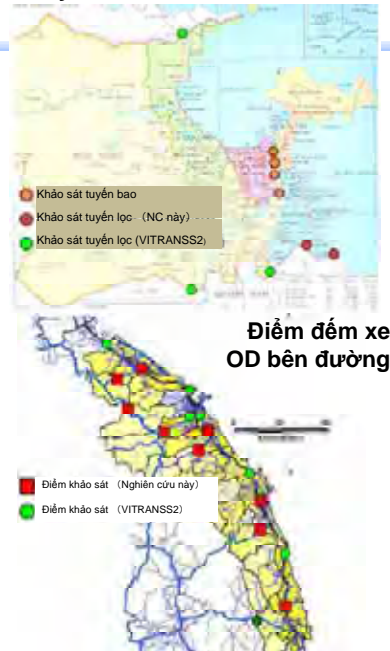
Ghi chú: Xem Mẫu bảng câu hỏi dự kiến

14

★ Các cuộc khảo sát GTVT

- Thu thập số liệu cập nhật trong lĩnh vực GTVT;
- Lập cơ sở dữ liệu GTVT đô thị tổng thể cùng với kết quả HIS
- Loại hình khảo sát GTVT:
 - ✓ Khảo sát tuyến bao
 - ✓ Khảo sát tuyến lọc
 - ✓ Khảo sát phòng vấn OD bên đường
- Cần có sự hợp tác với thành phố, các tỉnh và đặc biệt là phòng cảnh sát địa phương

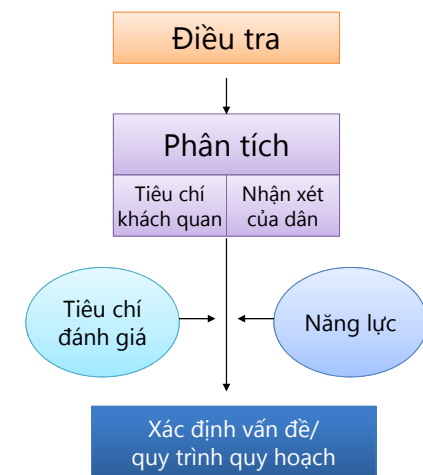
Tuyến bao và các điểm khảo sát



15

★ Nhiệm vụ 2F Xác định các vấn đề và chương trình quy hoạch

- Kết quả đánh giá chính xác hiện trạng có ý nghĩa quan trọng
- Tuyên bố về kết quả phân tích cần rõ ràng và dễ hiểu cho người dân
- Các chỉ tiêu đánh giá cần có tính thực tiễn



A8-6

16

★ Nhiệm vụ 3 Lập tầm nhìn và chiến lược

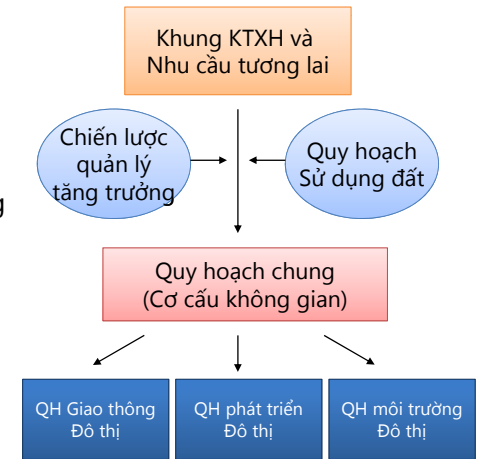
- Chiến lược phát triển cho khu vực nghiên cứu (Vùng KTTĐTĐTB)
 - ✓ Đầu vào cho QH xây dựng của Bộ Xây dựng
 - ✓ Đầu vào cho KH KTXH của Bộ KHĐT
 - ✓ Các chiến lược cho các tỉnh trong khu vực nghiên cứu
- Các chiến lược phát triển cho Đà Nẵng
 - ✓ Rà soát các chiến lược liên quan trong các quy hoạch, dự án hiện có
 - ✓ Tăng cường, cập nhật các chiến lược phát triển



17

★ Nhiệm vụ 4 Lập QHTT PTĐT TP.Đà Nẵng đến năm 2015

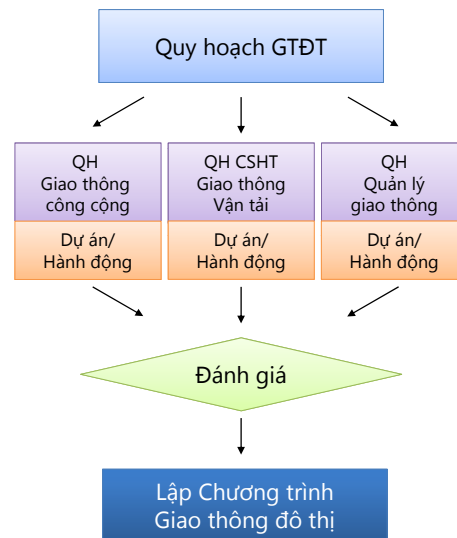
- Phối hợp với Sở Xây dựng để cập nhật Quy hoạch Phát triển Đô thị
- Thảo luận về quy hoạch phát triển đô thị toàn diện/gắn kết
- Các vấn đề về sự tham gia của cộng đồng và tăng cường năng lực



18

★ Nhiệm vụ 5 Lập Chương trình GTVT Đô thị

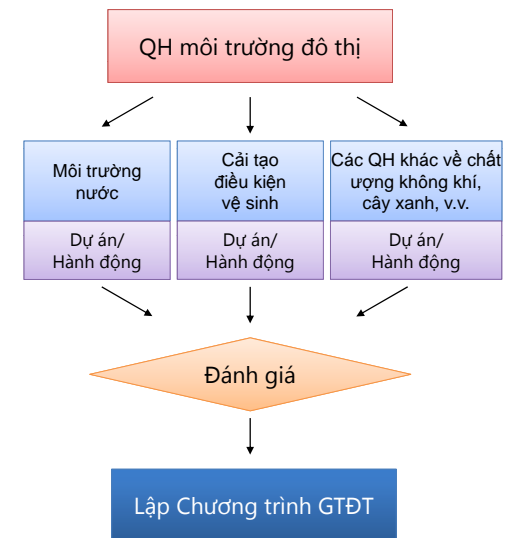
- Lập danh mục (có mô tả) các dự án / hành động
- Đánh giá các dự án này theo tiêu chí đã thống nhất để sắp xếp thứ tự ưu tiên
- Lập chương trình giao thông đô thị, bao gồm phương thức thực hiện



19

★ Nhiệm vụ 6 Lập Chương trình Môi trường Đô thị

- Chuẩn bị danh mục (có mô tả) các dự án/hành động
- Đánh giá các dự án này theo các tiêu chí đã thống nhất để sắp xếp thứ tự ưu tiên
- Lập chương trình môi trường đô thị, bao gồm cả các phương thức thực hiện



20

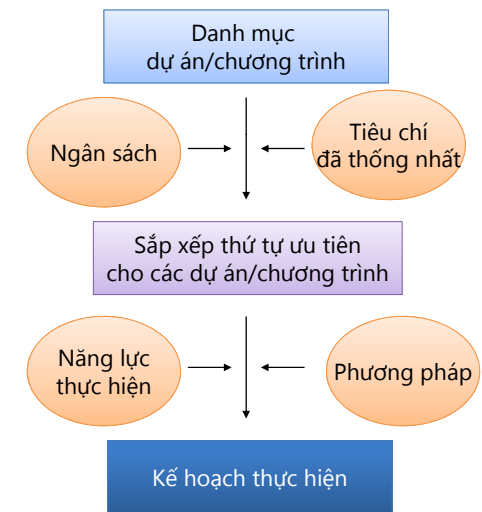
★ **Nhiệm vụ 7** Hỗ trợ đánh giá môi trường và các vấn đề về môi trường và xã hội

- Hỗ trợ thành phố Đà Nẵng đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của Việt Nam;
- Điều tra các vấn đề môi trường, xã hội theo hướng dẫn của JICA
- Tổ chức các cuộc điều tra bổ sung nếu cần, ví dụ như các bài học kinh nghiệm từ các dự án có liên quan

21

★ **Nhiệm vụ 8** Lập Kế hoạch Thực hiện đến năm 2015

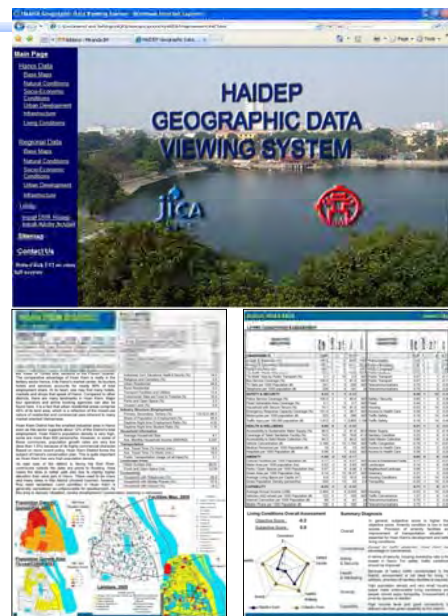
- Xem xét lại danh mục các dự án/hành động của các ngành liên quan
- Sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các dự án/chương trình trong khuôn khổ ngân sách
- Lập kế hoạch thực hiện có tính khả thi và thực tế



22

★ **Nhiệm vụ 9** Phát triển năng lực và xây dựng cơ sở dữ liệu

- Xây dựng hệ thống CSDL phục vụ quy hoạch đô thị tương lai, bao gồm hệ thống số liệu GIS
- Góp phần tiêu chuẩn hóa quy trình và phương pháp quy hoạch đô thị
- Tiến hành đào tạo tại chỗ về một số các lĩnh vực quan trọng trong quy hoạch
- Chuẩn bị các tài liệu hướng dẫn quy hoạch (phác thảo)



23

★ Các hội thảo chung, chuyên ngành

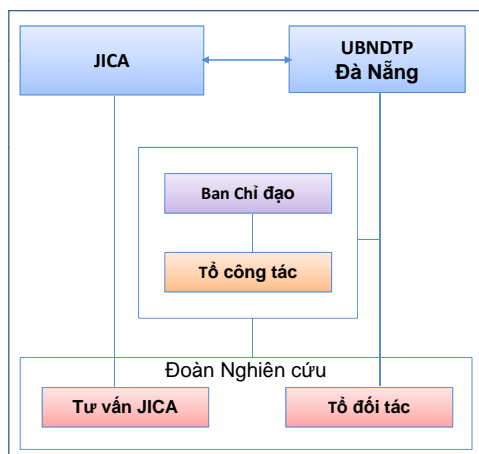
- Hội thảo chung 1 và 2
 - ✓ thảo luận về các vấn đề, tầm nhìn, chiến lược
 - ✓ 100 đại biểu từ UBND, các sở, các tổ chức khoa học, khu vực tư nhân v.v.
 - ✓ bổ sung hội thảo chuyên đề /họp các bên liên quan, nếu cần
- Hội thảo chung 3
 - ✓ trình bày dự thảo QHTT và Chương trình GTĐT cũng như Chương trình Môi trường Đô thị
 - ✓ cách tổ chức tương tự như hội thảo kết hợp 1 & 2
- Hội thảo chung 4
 - ✓ trình bày kết quả nghiên cứu
 - ✓ cân nhắc mời thêm đại biểu liên quan
- Các hội thảo chuyên đề
 - ✓ Ngoài ra có thể sẽ tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề để lắng nghe ý kiến của các bên liên quan

A8-8

24

■ Tổ chức Nghiên cứu

- Ban Chỉ đạo
- Tổ công tác
- Tổ đối tác
- Đoàn Nghiên cứu
- Nhóm tư vấn trong nước



25

■ Những việc do phía Việt Nam đảm nhận

- Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng
 - ✓ cho phép tiếp cận các khu vực/công trình liên quan tới nghiên cứu này
 - ✓ cung cấp số liệu, thông tin cần thiết
 - ✓ phối hợp với các bên liên quan để đảm bảo nghiên cứu được thuận lợi
 - ✓ bố trí văn phòng, thiết bị, tiện nghi, kết nối viễn thông
 - ✓ các hỗ trợ cần thiết khác cho nghiên cứu này
- Cho phép Nghiên cứu này
 - ✓ tổ chức các điều tra, khảo sát
 - ✓ tổ chức hội thảo chung, chuyên ngành, họp với các bên liên quan

26

■ Các vấn đề cần quan tâm

- Hoàn tất quá trình chuẩn bị mẫu điều tra để sớm triển khai
- Cung cấp các thông tin, số liệu đã yêu cầu
- Lập Tổ công tác và Tổ đối tác

27

... xin cảm ơn quý vị
đã chú ý lắng nghe

A8-9

28



Họp Ban chỉ đạo lần thứ 2 Nghiên cứu Chiến lược Phát triển Liên kết Thành phố Đà Nẵng và Vùng phụ cận (DaCRISS)

Ngày 28 tháng 11 năm 2008
Đoàn Nghiên cứu JICA

▣ Nội dung thảo luận chính

- ★ Tiến độ chung của Nghiên cứu
- ★ Kết quả nghiên cứu chính về các vấn đề phát triển trong Vùng và Tp. Đà Nẵng
- ★ Khung và định hướng phát triển vùng
- ★ Kịch bản phát triển cho Tp. Đà Nẵng
- ★ Tiến độ của các hoạt động hỗ trợ quy hoạch
- ★ Tóm tắt các nội dung quyết định chính
- ★ Bước tiếp theo

2

▣ Tiến độ chung của Nghiên cứu

- Các cuộc khảo sát bổ sung
- Các chuyến thăm thực địa
- Các cuộc họp/phỏng vấn
- Họp tổ công tác kỹ thuật
- Họp nhóm đối tác
- Phân tích hiện trạng
- Thảo luận các chiến lược phát triển dài hạn
- Chuẩn bị báo cáo tiến độ

Năm/Tháng	NHIỆM VỤ/CÔNG VIỆC	Báo cáo BCD/Hội thảo
2008/6	NV1: Công tác chuẩn bị	Báo cáo Khởi đầu Họp BCD lần 1
7		
8	NV2: Thu thập số liệu và Phân tích hiện trạng	
9		
10	NV 3: Tâm nhìn và chiến lược	
11		
12	NV 4: Lập QHTT Phát triển Đô thị (2025) NV 7:	Họp BCD lần 2 Hội thảo (B)
2009/2-2		
3	NV 5: Lập chương trình Giao thông đô thị NV 6: Lập chương trình Môi trường đô thị bền vững	Họp BCD lần 3
4		
5	NV 8: Kế hoạch triển khai (2015)	Báo cáo Giữa kỳ Họp BCD lần 4 Hội thảo (2)
6		
7	NV 9: Phát triển năng lực	Đánh giá môi trường chiến lược và Xem xét các vấn đề xã hội
8		
9		Dự thảo Báo cáo Cuối cùng Họp BCD lần 5 Hội thảo (3)
10/11		Báo cáo Cuối cùng

3

▣ Các cuộc khảo sát bổ sung

• Chuẩn bị thông tin cập nhật :

Về các hoạt động KT-XH và đánh giá của người dân về hiện trạng, cá vấn đề và nhu cầu tương lai

• Điều tra Phỏng vấn Hộ gia đình :

Phỏng vấn các thành viên 5000 hộ dân sống tại Tp. Đà Nẵng

• Khảo sát xã/phường:

Khảo sát tổng số 792 xã tại Tp. Đà Nẵng và Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định.

• Khảo sát phỏng vấn khách du lịch :

Tổng số 400 du khách tại sân bay Đà Nẵng

• Khảo sát các doanh nghiệp:

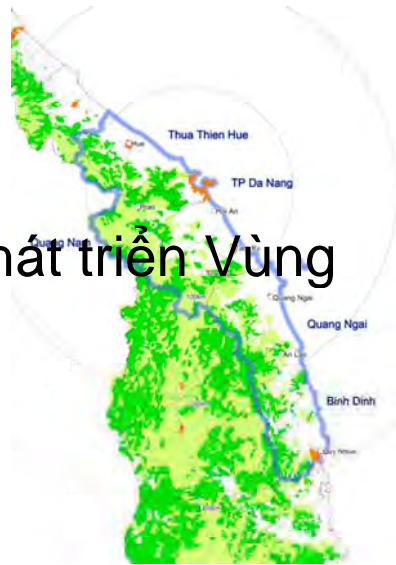
Tổng số 300 công ty tại TP. Đà Nẵng

• Các cuộc khảo sát về giao thông/vận tải

A8-10

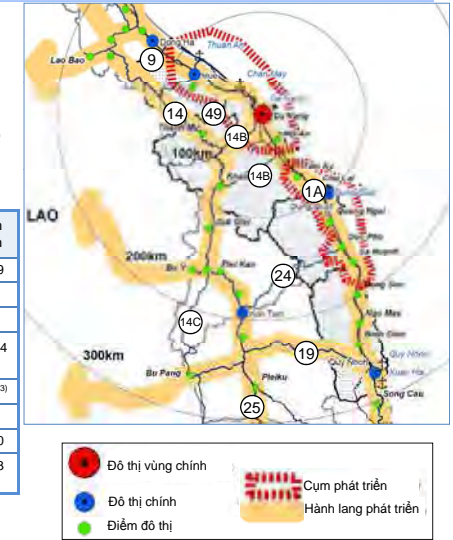
4

Mô hình phát triển Vùng



▣ Mô hình phát triển của Vùng KTTĐMT

- ✓ Phát triển các lợi thế so sánh của Miền Trung (hạ tầng, hợp tác quốc tế và trong khu vực)
- ✓ Phát triển theo hướng bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường



Chỉ tiêu	Tp. Đà Nẵng	TT Huế	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định
'07					
Dân số (000)	807	1.145	1.490	1.311	1.579
Dân số đô thị (%)	87	35	19	15	27
GDP/người (USD)	1.170	563	530	471	580
Việc làm (1/2/3) (%)	44 / 4 / 52	37 / 20 / 43	38 / 26 / 36	37 / 30 / 34	31 / 34 / 34
'20					
Dân số (000)	1.369	1.357	1.783 ³⁾	1.506 ³⁾	1.702 ³⁾
Dân số đô thị (%)	-	70	-	-	52
GDP/người (USD)	4.965	4.000	1.500 ¹⁾	859 ²⁾	4.000
Việc làm (1/2/3) (%)	2/43 / 56	5/47 / 47	15/44 / 41 ¹⁾	17/50 / 33 ²⁾	16/43 / 41

1) Con số đến 2015 dựa trên QHPTKT-XH đến 2015
 2) Con số đến 2010 dựa trên QHPTKT-XH đến 2010
 3) Ước tính theo tăng trưởng DS trong QHPTKT-XH

▣ Luân chuyển, 1999-2005 & 2005-2008

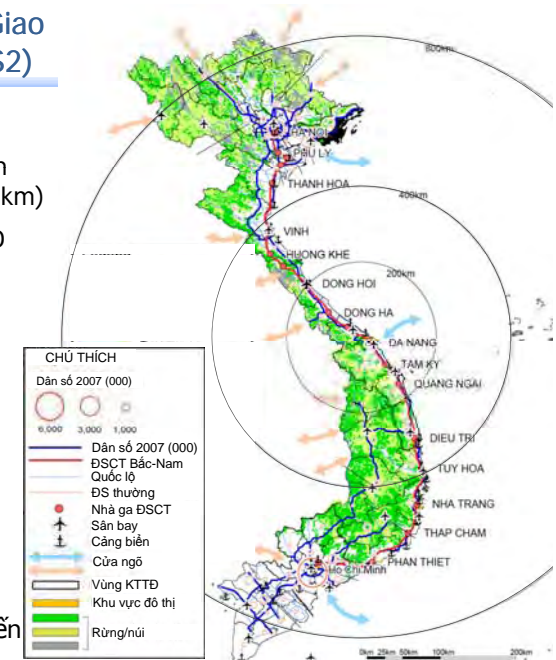
- Tăng từ 162.000 (1999-2005) lên 163.000 (2005-2008)

Tỉnh		Từ									
		Tp.Đà Nẵng		T.T. Huế		Quảng Nam		Quảng Ngãi		Bình Định	
		99-05	05-08	99-05	05-08	99-05	05-08	99-05	05-08	99-05	05-08
Các VKTTĐ khác	VKTTĐMN	20,9	16,3	21,2	24,4	22,2	13,0	19,6	19,4	20,3	13,1
	VKTTĐMB	3,8	3,4	9,2	10,3	1,1	0,6	1,8	1,8	0,1	0
Vùng KTTĐ MT	TP. Đà Nẵng	53,4	44,5	21,8	17,3	12,5	11,9	17,6	16,8	6,9	5,3
	TP. Huế	1,3	1,1	18,6	15,2	0,6	0,2	2,1	1,9	0,1	0
	Dung Quất	1,6	2,7	1,8	1,6	2,6	6,7	19,8	22,7	1,7	4,1
	Nơi khác trong Vùng KTTĐMT	5,3	9,0	8,2	12,3	40,7	51,8	26,8	26,1	60,6	72,1
Các vùng khác		13,7	23,2	20,3	18,0	20,4	15,8	12,1	11,5	10,3	5,4
Tổng	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Số lượng (000)	23	20	17	23	35	31	26,	25	61	64

Nguồn: Khảo sát xã/phường trong Nghiên cứu DaCRISS 2008

▣ Định hướng Phát triển Giao thông Quốc gia (VITRANSS2)

- Chiến lược GTVT
 - ✓ Đường sắt cao tốc Bắc-Nam 300km/h, tuyến mới (1.550km)
Chi phí xây dựng: 30 tỷ USD
 - ✓ Đường sắt hiện có
 - ✓ Đường bộ cao tốc
 - ✓ Cảng
 - ✓ Sân bay
 - ✓ Hành lang Đông-Tây
- Chính sách đô thị hóa
 - ✓ Sự tăng trưởng của các thành phố thứ cấp
- Cần quan tâm liên kết với chiến lược phát triển vùng



★ Phản hồi từ các xã/phường (DV cơ sở hạ tầng)

● Cần tiếp tục cải thiện cơ sở hạ tầng

Tỉnh		TP. ĐN	Thừa Thiên Huế	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	Vùng KTTĐ MT	
Phạm vi dịch vụ (%)	Y tế	97	94	97	84	100	94	
	Giáo dục	Tiểu học	98	92	95	93	100	95
		Trung học	98	84	91	89	96	90
	Nước máy	72	62	65	41	51	58	
	Điện	100	85	89	90	97	91	
	Điện thoại	73	48	32	20	53	40	
	Thoát nước	75	51	46	19	81	59	
Hiện trạng đường	Từ xã đến trung tâm huyện	Cự ly trung bình (km)	5	15	17	12	12	
		Điều kiện đường xá 1)	0	0	10	6	0	4
		Bị gián đoạn theo mùa (%)	16	36	33	87	47	48
	Từ xã đến trung tâm tỉnh	TG đi bằng PT (phút)	12	27	33	35	22	26
		Cự ly trung bình (km)	8	40	75	48	67	47
		Điều kiện đường xá 1)	2	0	9	1	0	3
		Bị gián đoạn theo mùa (%)	11	39	25	79	36	41
TG đi bằng PT (phút)	22	58	116	89	78	72		

Nguồn: Khảo sát xã/phường của DaCRISS 2008

1) % người trả lời "Kém"

9

★ Phản hồi của các xã (các vấn đề môi trường)

(% người được hỏi trả lời "có vấn đề" hoặc "vấn đề rất nghiêm trọng")

- Tình hình môi trường chung là khá tốt ngoại trừ yếu tố ngập lụt và ô nhiễm không khí tại Đà Nẵng và chặt phá rừng/sỏi mòn đất/sạt lở đất tại Huế

	TP. Đà Nẵng	Thừa Thiên Huế	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	Vùng KTTĐMT	
Ô nhiễm nước ngầm	20	7	0	0	0	3	
Ô nhiễm nước mặt	18	8	0	0	0	3	
Xâm mặn	2	4	0	0	1	1	
Ô nhiễm đất	2	3	0	0	0	1	
Chất thải rắn	7	2	0	1	0	1	
Ô nhiễm không khí	18	9	0	4	0	4	
Chặt phá rừng	5	20	5	9	9	10	
Ô nhiễm đất	5	22	4	8	3	8	
Sạt lở đất	11	34	3	6	2	10	
Sa mạc hóa	0	1	0	0	0	0	
Bão lụt	Lụt	5	34	2	35	36	23
	Lũ quét	13	25	12	19	5	15
	Bão	7	5	0	1	0	2

Nguồn: Khảo sát xã/phường của DaCRISS 2008

10

★ Phản hồi của các xã (khó khăn cho phát triển)

(% người được hỏi trả lời "có khó khăn" hoặc "rất khó khăn")

- Trong khi lực lượng lao động có tay nghề và năng lực của người dân được coi là những cản trở phát triển chính của vùng nhưng khó khăn ở mỗi tỉnh lại khác nhau

Tỉnh		TP. ĐN	Thừa Thiên Huế	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	Vùng KTTĐ MT
Hệ số CSHT và dịch vụ (%)	Điều kiện tiếp cận về đường	20	24	50	43	20	35
	Cấp điện	2	13	45	36	1	25
	Cấp nước	14	60	10	55	87	46
	Thoát nước	41	19	4	46	0	18
	Dịch vụ giáo dục	4	16	46	14	4	22
	Dịch vụ y tế	9	16	48	18	4	23
	Yêu cầu đầu vào hỗ trợ phát triển (%)	Đất cho sản xuất NN	29	8	11	11	60
Đất cho nhà ở		16	3	15	1	20	11
Đất cho doanh nghiệp		30	7	25	13	8	16
Lao động có tay nghề		50	68	66	91	91	76
Kiến thức và năng lực của người dân		38	70	67	97	53	69
Tiếp cận tín dụng		21	39	55	98	15	51
Giá các yếu tố đầu vào		50	20	44	92	6	43

Nguồn: Khảo sát xã/phường của DaCRISS 2008

11

★ Phản hồi của các xã (tiềm năng phát triển)

(% số người được hỏi trả lời "có tiềm năng lớn" hoặc "có tiềm năng rất lớn")

- Nông nghiệp, du lịch sinh thái và dịch vụ được coi là các lĩnh vực có tiềm năng tương đối lớn

Tỉnh		TP. Đà Nẵng	Thừa Thiên Huế	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	Vùng KTTĐMT
Sản phẩm nông nghiệp	Trồng trọt	13	16	36	10	1	18
	Chăn nuôi	9	7	28	13	22	18
	Thủy sản	13	28	9	16	15	16
	Lâm nghiệp	11	28	43	37	36	35
Các sản phẩm chế biến nông, lâm, thủy sản		13	17	8	28	15	16
Công nghiệp khai khoáng		4	13	4	15	0	7
Tiểu thủ công nghiệp		16	11	15	14	20	15
Du lịch	Chung	9	16	6	2	1	6
	Sinh thái	23	28	13	3	35	19
Công nghiệp chế tạo		7	3	5	13	2	6
Xây dựng		4	3	3	16	13	8
Cửa hàng/thương mại		38	34	13	28	25	25
Các dịch vụ khác		25	26	8	4	25	15
Các ngành khác		23	1	3	2	0	3

Nguồn: Khảo sát xã/phường của DaCRISS 2008

12

■ Đánh giá về Vùng

◀ Điểm yếu và thách thức ▶

- Thị trường địa phương nhỏ (ít dân & thu nhập thấp)
- Xa trung tâm tăng trưởng
- Liên kết giữa các tỉnh còn yếu
- Thiếu cơ sở hạ tầng
- Chưa được thế giới biết đến

◀ Điểm mạnh và cơ hội ▶

- Giàu tài nguyên thiên nhiên/văn hóa
- Vị trí chiến lược của quốc gia và Tiểu vùng sông Mekong mở rộng
- Sự quyết tâm về mặt chính sách tăng trưởng của chính phủ
- Tiềm năng về nguồn nhân lực có chất lượng

- ✓ Tối đa hóa tiềm năng thông qua liên kết để nâng cao năng lực của vùng
- ✓ Thu hút thế giới vào đầu tư (vốn, công nghệ, du khách)
- ✓ Chính phủ tham gia tích cực hơn để đảm bảo tăng trưởng bền vững

13

■ Chiến lược phát triển đề xuất cho Vùng KTTĐMT

★ Vùng SINH THÁI-CÔNG NGHỆ ★ ★ LIÊN KẾT: Quy tắc quy hoạch lõi ★

- Phát triển kinh tế
- Cân bằng sinh thái
- Hòa hợp dân tộc

thông qua

- Các giải pháp định hướng công nghệ
- Tăng cường quản lý môi trường
- Bảo tồn các giá trị văn hóa
- Phát triển nguồn nhân lực
- Cung cấp cơ sở hạ tầng chiến lược

- Liên kết không gian : Quốc tế, quốc gia, tỉnh, địa phương, v.v.

- Liên kết ngành : Kinh tế, xã hội, môi trường, đô thị-nông thôn, cơ sở hạ tầng-dịch vụ, v.v.

- Liên kết thể chế : Chính quyền trung ương-địa phương, liên tỉnh, liên ngành, nhà nước-tư nhân, v.v.

14

■ Cấu trúc không gian điều chỉnh

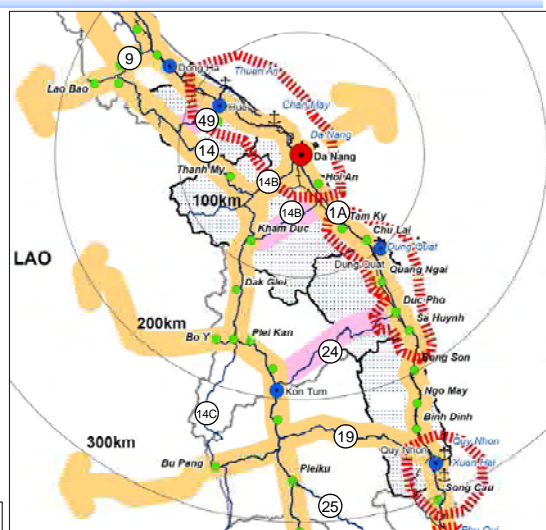
● Trung tâm phát triển

- ✓ Huế – Đà Nẵng – Hội An
- ✓ Chu Lai – Dung Quất
- ✓ Quy Nhơn

● Hành lang Phát triển

- ✓ Bắc – Nam - Trung
- ✓ Bắc – Nam – Miền núi
- ✓ Đông – Tây (quốc tế)
- ✓ Đông - Tây (nội địa)

● Các đô thị



15

■ Chia sẻ vai trò có thể giữa các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền trung (dự kiến)

Vấn đề chính	Thừa Thiên Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	
Chức năng đầu mối	B	(A)	C	B	C	
Lĩnh vực phát triển chiến lược	Du lịch	(A)	(A)	(A)	A	A
	Công nghiệp	B	B	C	(A)	B
	Dịch vụ	A	(A)	B	A	B
	Kinh tế môi trường	B	(A)	A	B	B
	Phát triển nguồn nhân lực	B	(A)	B	B	B
	Quản lý môi trường	(A)	(A)	(A)	(A)	(A)
	Nâng cao giá trị văn hóa	(A)	B	(A)	B	B
Phát triển đô thị	(A)	(A)	(A)	(A)	(A)	
Phát triển nông thôn	(A)	B	(A)	(A)	(A)	

A: Vai trò cấp I, B: Vai trò cấp II, C: Vai trò thấp

A8-13

16

■ Đánh giá kịch bản phát triển

Tính bền vững	Kịch bản 1 : Cơ sở (không tác động)	Kịch bản 2 : Quy hoạch hiện có	Kịch bản 3 : Tăng cường tăng trưởng
Kinh tế : • Cạnh tranh toàn cầu • Đầu tàu tại Việt Nam • Liên kết trong vùng			
Xã hội: • Không còn nghèo • Tăng bình đẳng • Tiếp cận dịch vụ			
Môi trường : • Bảo vệ sinh thái • Không ô nhiễm • Sẵn sàng với thiên tai			
Quản lý nhà nước : • Quản lý tốt • Bền vững về tài chính • Cộng đồng tham gia			

★ Định hướng cơ bản đề xuất★

- ① **Đáp ứng nhu cầu hiện có** của các xã, phường
 - Xây dựng chương trình phát triển hạ tầng toàn diện từng bước để thu hút nguồn vốn đầu tư bên ngoài
- ② **Giải quyết các vấn đề chung của các tỉnh** trong vùng, ví dụ như phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực, tiếp cận nguồn tín dụng, v.v..
 - Phát huy các dự án giao thông vận tải chính cấp quốc gia, như đường sắt và đường bộ cao tốc bắc nam, v.v.
 - Tăng cường kết nối hàng không trực tiếp với các đô thị lớn khác ở châu Á; tăng cường dịch vụ vận tải biển quốc tế
- ③ **Tăng cường tiếp cận quốc tế** tới thị trường, các kênh thông tin, công nghệ và đầu tư thông qua việc mở rộng hệ thống vận tải hàng không, hàng hải và thông tin
 - Khai thác nhu cầu của hành lang đông - tây
 - Tăng cường dịch vụ viễn thông
 - Tăng cường tính liên kết nội vùng thông qua phát triển mạng lưới
- ④ **Tăng cường sự phối hợp giữa các tỉnh** đối với các ngành chiến lược, như du lịch, môi trường, vận tải, quản lý ven biển...
 - Đẩy mạnh du lịch kết hợp với các tỉnh, đặc biệt là du lịch sinh thái và văn hóa
 - Khuyến khích sản xuất nông nghiệp trên cơ sở tiềm năng của các tỉnh
- ⑤ **Vùng KTTĐ Trung bộ, với vai trò đầu tàu của Đà Nẵng**, nên bổ sung chứ không nên cạnh tranh với Vùng KTTĐ Bắc bộ và Nam bộ – tạo dựng các cơ hội phát triển kinh tế mới
 - Khuyến khích ngành nghề thủ công
 - Khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ tư nhân trong ngành dịch vụ và thương mại
 - Khai thác các lĩnh vực mới như phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển, môi trường...

18

■ Nghiên cứu sâu hơn

- Phân tích chuỗi giá trị du lịch
- Chiến lược quản lý ven biển
- Phát triển mạng lưới GTVT
- Mô hình phát triển đô thị cho các đô thị khác ngoài Đà Nẵng
- Mô hình phát triển nông thôn
- Chia sẻ vai trò trong ngành công nghiệp
- Quản lý nguồn nước
- Khác

★ Đóng góp của DaCRISS ★

- ✓ Tạo thêm đầu vào cho quy hoạch vùng KTTĐ Trung Bộ
- ✓ Giữ vai trò nhất định trong khuyến khích đầu tư
- ✓ Phối hợp giữa các tỉnh (giao thông công cộng, hạ tầng kỹ thuật, quản lý nguồn lực, bảo vệ môi trường, kiểm soát thiên tai, v.v.)

➔ Tổ chức hội thảo ở các tỉnh

- ✓ Tìm hiểu các điều kiện của mỗi tỉnh
- ✓ Thảo luận các giả thuyết do đoàn nghiên cứu đưa ra

19



A8-14

■ Thành phố Đà Nẵng: Thông tin kinh tế xã hội

- ✓ Tổng dân số thì không lớn nhưng tốc độ tăng dân số đô thị cao.
- ✓ Về việc làm, khu vực 3 tăng trưởng nhanh, khu vực 2 tăng trưởng trung bình và khu vực 1 có mức tăng trưởng âm
- ✓ Đóng góp của khu vực 2 là quan trọng nhất

	2000	2007	Nhịp tăng 2000-2007 (%)	
Dân số (000)	716.282	806.744	1,7	
Dân số đô thị (%)	79	87	3,1	
Thu nhập trung bình hộ gia đình ¹⁾ (000 đồng)	-	4.098		
Việc làm	Số lượng (000)	323	400	
	Thất nghiệp (%)	-	5,02	
	Khu vực (1/2/3) (%)	30 / 32 / 38	10 / 32 / 58	-9,5 / 5,7 / 12,4
Kinh tế	GDP (tỷ đồng)	7.984	15.284	9,7
	Khu vực (1/2/3) (%)	8 / 40 / 52	4 / 47 / 49	-0,6 / 12,3 / 8,8
	FDI (00-07) (triệu \$)		4.751	
	Xuất khẩu (triệu \$)	235	470	10,4
	Nhập khẩu (triệu \$)	316	522	7,4
Du lịch (triệu \$)	13	32	13,9	

1) Nguồn: Điều tra phỏng vấn hộ gia đình của DaCRISS, 2008

■ Phân bổ thu nhập

- ✓ Thu nhập hộ gia đình trung bình cả thành phố là 4,1 triệu đồng/tháng và sự phân bổ mức thu nhập gia tăng đều hơn so với Hà Nội.
- ✓ Tuy nhiên, phân bổ thu nhập có sự chênh lệch khá lớn giữa các quận/huyện
- ✓ Cần tiếp tục phân tích các vấn đề và nhu cầu của nhóm thu nhập thấp

Thu nhập hộ gia đình (%)	Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Cẩm Lệ	Liên Chiểu	Hòa Vang	Đà Nẵng	Hà Nội ¹⁾
- 1,5 triệu đồng	9	10	8	9	19	10	28	13	27
- 2,0 triệu đồng	8	10	9	7	11	11	23	11	18
- 3,0 triệu đồng	17	22	27	25	31	26	26	23	23
- 4,0 triệu đồng	15	17	20	23	19	22	12	17	15
- 5,0 triệu đồng	18	18	16	17	9	15	7	15	8
- 6,0 triệu đồng	10	8	9	8	4	7	2	7	4
Trên 6,0 triệu đồng	22	15	11	12	7	9	2	13	5
Thu nhập trung bình/hộ (triệu đồng/tháng)	5.0	4.5	4.2	4.1	3.2	3.9	2.5	4.1	2.7

Nguồn: Khảo sát HIS trong DaCRISS 2008

1) Nguồn: HIS của HAIDEP 2005

22

■ Sở hữu tài sản và hàng hóa

- ✓ Tỷ lệ sở hữu phương tiện cá nhân cao (xe máy, xe đạp)
- ✓ Tương đương với mức sở hữu hàng hóa ở Hà Nội
- ✓ Mức sở hữu phương tiện/hàng hóa khác nhau theo quận/huyện

Quận/Huyện	Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Cẩm Lệ	Liên Chiểu	Hòa Vang	Đà Nẵng	Hà Nội ¹⁾
Tài sản hộ gia đình (%)	Điều hòa nhiệt độ	23	15	9	4	4	6	1	11
	Máy giặt	61	48	39	31	20	30	10	39
	Tủ lạnh	88	80	76	72	58	67	38	72
	TV	98	98	98	98	97	97	91	97
	Đài	13	7	30	8	22	7	5	13
	Máy tính	53	40	37	31	30	29	11	36
	ĐT di động	83	79	81	81	69	77	52	75
	Đi xe đạp	18	18	20	27	24	24	29	21
Xe	Xe máy	54	47	50	53	45	44	38	47
	Ô tô	1	1	0	0	1	1	0	1

Nguồn: DaCRISS HIS, 2008

1) Nguồn: HAIDEP HIS, 2005

23

■ Kết nối tới dịch vụ hạ tầng đô thị

- ✓ Mức độ dịch vụ đô thị tương đương hoặc cao hơn ở Hà Nội
- ✓ Mức độ dịch vụ thay đổi theo quận/huyện

Nối tới (%)	Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Cẩm Lệ	Liên Chiểu	Hòa Vang	Đà Nẵng	Hà Nội ¹⁾
Dịch vụ đô thị	Điện	100	100	100	100	98	100	98	100
	Nước máy	95	86	83	46	38	57	7	67
	Nhà vệ sinh	9	9	23	0	2	14	8	10
	Gas	1	2	5	0	1	1	2	2
	Điện thoại	90	85	89	78	71	78	63	81
	Thu gom rác thải	96	99	99	85	81	96	26	85
	Cống	88	82	65	10	21	59	3	57
	Internet	35	25	17	12	9	11	3	19
	Y tế ²⁾	98	99	97	100	98	94	93	97
Giáo dục	Cấp 1 ²⁾	100	100	100	100	85	99	97	98
	Cấp 2 ²⁾	100	100	99	100	84	97	99	98

Nguồn: DaCRISS, HIS 2008

1) Nguồn: HAIDEP HIS 2005

2) Nguồn: Điều tra khảo sát xã của DaCRISS, 2008

A8-15

24

■ Đánh giá của người dân về điều kiện và nhu cầu nhà ở

- ✓ Nhà chủ yếu do tư nhân (hộ gia đình) sở hữu, mức hài lòng tương đối cao
- ✓ Người dân muốn có thêm không gian thông thoáng, kết cấu tốt

		Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Cẩm Lệ	Liên Chiểu	Hòa Vang	Đà Nẵng	Hà Nội ¹⁾
Sở hữu (%)	Chủ ở	98	96	96	97	99	94	98	97	
	Khác	2	4	4	3	1	6	2	3	
Diện tích trung bình (m ² /nhà)		98	96	117	132	113	144	91	108	
Đánh giá	K. hài lòng	10	16	15	18	22	17	23	16	
	Bình thường	41	29	24	18	30	42	39	33	
	Hài lòng	49	56	61	64	48	42	38	51	
3 lý do chính khiến không hài lòng	Không gian	Không gian	Không gian	Không gian	Thông thoáng	Kết cấu	Không gian	Kết cấu	Kết cấu	Không gian
	Kết cấu	Thông thoáng	Kết cấu	Kết cấu	K.gian, Th.kế	Thông thoáng	Địa điểm	Không gian	Thiết kế	
	Thông thoáng	Địa điểm	Thông thoáng	K.gian, Th.kế	Địa điểm	Kết cấu	Thông thoáng	Thông thoáng	Kết cấu	

Nguồn: DaCRISS HIS, 2008
1) Nguồn: HAIDEP HIS, 2005

25

■ Nhu cầu nhà ở của người dân

- ✓ Một nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới đánh giá rằng khoảng 19% quỹ nhà hiện nay cần được xây dựng lại hoặc cải tạo đáng kể ≈ 19% số hộ thể hiện “không hài lòng” về nhà ở hiện tại (DaCRISS)

Mức thu nhập hộ gia đình ¹⁾	Nhà ở kém										Tổng quỹ nhà	
	Điều kiện môi trường “rất không an toàn”		Nhà tạm		Điều kiện bảo trì “rất kém”		Dưới 6 m ² /người		Tổng			
1	206	17	3.500	39	1.236	55	9.058	49	14.206	51	29.569	20.2
2	412	33	1.236	14	824	36	6.588	36	6.588	24	32.086	21.9
3	412	33	3.088	34	0	0	2.265	12	5.353	19	35.848	24.5
4	0	0	618	7	206	9	412	2	1.236	4	31.252	21.4
5	206	17	618	7	0	0	0	0	618	2	17.639	12
Tổng/Tỷ lệ	1.236	1	9.060	6	2.266	2	18.323	13	28.001	19	146.380	100

Nguồn: Đánh giá về nhà ở của các nhóm thu nhập thấp ở Đà Nẵng, 2007

26

■ Đánh giá của người dân về công viên/không gian xanh

- ✓ Công viên trong thành phố không có nhiều. Chỉ khoảng 14% dân số có thể đi bộ đến công viên
- ✓ Trên 80% dân số cho rằng tiếp cận tới công viên/không gian xanh là quan trọng
- ✓ Người dân hài lòng về những công viên hiện có

		Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Cẩm Lệ	Liên Chiểu	Hòa Vang	Đà Nẵng	Hà Nội ¹⁾
Tình trạng công viên và không gian xanh ở các khu dân cư (%)	Trong phạm vi có thể đi bộ	18	15	15	40	1	15	1	14	31
	Trong cự ly có thể tới được	12	5	7	15	0	6	0	7	19
	Không đến được	70	80	78	45	99	79	99	79	50
Tầm quan trọng của việc tiếp cận công viên và không gian xanh (% trả lời có)		89	78	76	100	68	84	78	82	90
Mức hài lòng về công viên (%)	Không hài lòng	16	18	25	11	15	28	9	18	20
	Bình thường	56	48	38	43	62	56	49	50	35
	Hài lòng	28	34	37	45	23	16	42	32	45

Nguồn: DaCRISS HIS, 2008
1) Nguồn: HAIDEP HIS, 2005

27

■ Đánh giá của người dân về chức năng công viên

- ✓ Chỗ chơi cho trẻ em là yêu cầu “số 1” của người dân
- ✓ Cây xanh, nơi nghỉ ngơi, tập thể dục là chức năng quan trọng “số 2”

	Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Cẩm Lệ	Liên Chiểu	Đà Nẵng	Hà Nội ¹⁾
3 chức năng cần thiết cho công viên/không gian xanh (%)	Chỗ chơi cho trẻ em	Chỗ chơi cho trẻ em	Chỗ chơi cho trẻ em	Chỗ chơi cho trẻ em	Chỗ chơi cho trẻ em	Chỗ chơi cho trẻ em	Chỗ chơi cho trẻ em	Chỗ chơi cho trẻ em
	Nơi tập thể dục	Nơi tập thể dục	Cây xanh (cây, hoa)	Khu nghỉ ngơi	Cây xanh (cây, hoa)	Khu nghỉ ngơi	Cây xanh (cây, hoa)	Chỗ đi bộ
	Cây xanh (cây, hoa)	Cây xanh (cây, hoa)	Khu nghỉ ngơi	Nơi tập thể dục	Khu nghỉ ngơi	Cây xanh (cây, hoa)	Khu nghỉ ngơi	Khu nghỉ ngơi

Nguồn: DaCRISS HIS, 2008
1) Nguồn: HAIDEP HIS, 2005

28

Cảnh quan

✓ Người dân rất quan tâm tới vấn đề cảnh quan và thiết kế đô thị

		Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Cẩm Lệ	Liên Chiểu	Hoa Vang	Đà Nẵng	Hà Nội ¹⁾
Những ảnh hưởng tiêu cực đến cảnh quan (% có)	Đường dây điện	99	99	99	99	97	100	99	99	
	Đỗ xe trên vỉa hè	97	95	99	99	97	98	99	97	
	Quảng cáo ở đô thị	91	93	85	94	93	89	98	92	
	Thiết kế công trình	81	83	74	74	68	77	79	77	
	Công trình quá khổ	86	92	75	69	75	80	91	83	
10 cảnh quan yêu thích nhất (theo thứ tự sắp xếp)	1. Cầu Sông Hàn, 2. Bà Nà, 3. Bán đảo Sơn Trà, 4. Bãi biển Mỹ Khê, 5. Bãi biển Non Nước, 6. Big C (Vinh Trung Plaza), 7. Hải Vân, 8. Metro, 9. Khu nghỉ dưỡng Furama, 10. Bãi biển Xuân Thiều									
10 cảnh quan ít được yêu thích nhất (theo thứ tự sắp xếp)	1. Làng Tuy Loan, 2. Sân vận động Chi Lăng, 3. Công viên 29/4, 4. Bãi biển Xuân Thiều, 5. Metro, 6. Softech office tower, 7. Nhà thờ Trung Vương, 8. Tháp ven sông Indochina, 9. People's Committee building Tòa nhà UBND, 10. Hải Vân									

Nguồn: DaCRISS HIS, 2008
1) Nguồn: HAIDEP HIS, 2005

29

Sử dụng thời gian rảnh rỗi

✓ Không nhiều người đi du lịch ngoài Đà Nẵng. Tuy nhiên, trong tương lai sẽ khác, giống như đã từng xảy ra ở nhiều nước

		Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Cẩm Lệ	Liên Chiểu	Hoa Vang	Đà Nẵng	
Du lịch ra ngoài Đà Nẵng vào năm ngoái (%)	Không	73	79	71	72	84	62	91	76	
	Có	1 lần	15	16	23	22	10	24	8	16
		2—3 lần	9	4	4	4	2	9	1	5
		Hơn 3 lần	4	1	1	3	4	5	0	2
5 điểm đến	1. Tp. Huế 2. Tp. HCM 3. Quảng Bình 4. Hà Nội 5. Khánh Hòa									
5 hoạt động	1. Ở nhà 2. Xem phim 3. Lái xe quanh thành phố 4. Thăm họ hàng 5. Thăm bạn bè									

Nguồn: DaCRISS HIS, 2008

30

Đánh giá về Du lịch

✓ Nhiều người cho rằng cần phát triển du lịch để tăng trưởng kinh tế

		Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Cẩm Lệ	Liên Chiểu	Hoa Vang	Đà Nẵng
Cần phát triển du lịch (% tổng số)	Có	88	89	84	99	87	96	94	90
	Thường	6	8	11	1	10	4	3	7
	Không	6	3	5	0	3	0	3	3
Loại hình du lịch được phát triển (%)	Du lịch nội địa	21							
	Du lịch sinh thái (núi,...)	18							
	Du lịch khu nghỉ dưỡng ven biển	15							
	Du lịch quốc tế	13							
	Du lịch văn hóa / lịch sử	12							
	Thể thao trên biển (bơi thuyền, lặn, câu cá thể thao...)	11							
	Du lịch làng nghề	4							
	Giải trí (sòng bạc, nhà hát...)	3							
Lý do phát triển du lịch (% tổng số)	Hội nghị/hội thảo/triển lãm	2							
	Tăng cơ hội việc làm	72							
	Tăng thu nhập/nhu cầu về hàng hóa từ khách du lịch	22							
Lý do không phát triển du lịch (% tổng số)	Gặp gỡ khác nước ngoài, khách du lịch nội địa	6							
	Dẫn đến tăng giá cả đối với người dân địa phương	31							
	Dẫn đến sự tái định cư của người dân địa phương	29							
Gây áp lực mạnh hơn đến các ngành dịch vụ (điện, nước, thu gom rác thải)		20							

Nguồn: DaCRISS HIS, 2008

A8-17

Người dân đánh giá về môi trường sống

(% trả lời "không hài lòng")

- ✓ Người dân Đà Nẵng khá hài lòng về môi trường sống hiện tại nếu so với ở Hà Nội
- ✓ Tỷ lệ không hài lòng khá cao về các mặt "giải trí", "công viên", "vận tải công cộng",

Môi trường sống	Đà Nẵng	Hà Nội ¹⁾
Cây xanh	27	29
Cảnh quan	21	24
Ngập lụt	19	27
Chất lượng không khí	18	26
Sự yên tĩnh	17	19
Điều kiện vệ sinh	15	20
An toàn/An ninh	11	11
Nhà ở	10	20

Các dịch vụ tiện ích	Đà Nẵng	Hà Nội ¹⁾
Cấp nước	12	38
Cấp điện	9	7
Thu gom chất thải rắn	8	12
Cấp khí đốt	6	8
Thông tin liên lạc	4	5

Tiếp cận dịch vụ đô thị	Đà Nẵng	Hà Nội ¹⁾
Điểm vui chơi giải trí	27	32
Công viên / không gian xanh	25	38
Vận tải công cộng	22	33
Trung tâm y tế	12	16
Trụ sở cơ quan	10	19
Siêu thị (hàng ngày)	9	13
Trường tiểu học	6	7

Nguồn: DaCRISS HIS, 2008
1) Nguồn: HAIDEP HIS, 2005

32

■ Đánh giá môi trường sống theo quận / huyện

Số trong () là tỷ lệ người “không hài lòng”

- Hải Châu : đường đến các điểm vui chơi giải trí (24), cây xanh (23), công viên/các không gian xanh (21),
- Thanh Khê : **cây xanh (37), cảnh quan (31), đường đến các điểm giao thông công cộng (25)**, đường đến công viên/không gian xanh(24), chất lượng không khí (23), đường đến các điểm giải trí (22), sự yên tĩnh (21)
- Sơn Trà : **đường đến các điểm giải trí (32), đường đến các công viên/không gian (29), cây xanh (27)**, cảnh quan (23)
- Ngũ Hành Sơn: đường đến các điểm vui chơi giải trí (23)
- Cẩm Lệ : **cung cấp nước (38), lụt lội (30)**, đường đến công viên/không gian xanh (23), đường đến các điểm giao thông công cộng (22)
- Liên Chiểu : **chất lượng không khí (36), cây xanh (29), đường đến công viên/không gian xanh (27), sự yên tĩnh (26), đường đến các điểm giải trí (26)**, điều kiện vệ sinh (23), lụt lội (23), cảnh quan (22),
- Hòa Vang : **cung cấp nước(47), lụt lội (42), chất thải rắn (32), đường đến các điểm giải trí (27), cây xanh (26), cung cấp khí đốt(26), đường đến công viên/không gian xanh (25)**, cảnh quan (23), chất lượng không khí (22), đường đến các điểm giao thông công cộng(22)

Nguồn: DaCRISS HIS, 2008

33

■ Tóm tắt hiện trạng

- ✓ Nhìn chung người dân khá hài lòng về điều kiện hiện nay
- ✓ Tuy nhiên vẫn cần cải thiện nhiều ở một số lĩnh vực cụ thể
- ✓ Nhận thức của người dân về môi trường (không chỉ là vấn đề ô nhiễm mà còn về cảnh quan, thiết kế đô thị, cây xanh, v.v.) khá cao

34



Tương lai của Đà Nẵng

■ Các nhân tố phát triển chính ở Đà Nẵng theo nhận định của người dân

• Tâm nhìn tương lai

	%
TP môi trường với các dịch vụ và du lịch	22
Trung tâm phát triển miền Trung Việt Nam có thể cạnh tranh với Hà Nội và tp.HCM	19
Trung tâm văn hóa, nghệ thuật và du lịch	14
Thành phố công nghiệp, chế biến hàng hóa giá rẻ xuất khẩu ra thị trường thế giới	14
Thành phố du lịch hiện đại với các hoạt động giải trí ngoài trời	11
Trung tâm giáo dục và công nghiệp công nghệ cao	9
Cửa ngõ đến hành lang Đông Tây tiểu vùng sông Mekong	5
Trung tâm chế biến tài nguyên thiên nhiên từ miền Trung	5

• Nội dung phát triển chính

	%
Sức khỏe và vệ sinh	20
Xã hội phồn vinh, gia đình hạnh phúc	17
Công bằng xã hội	12
Ngành công nghệ cao	9
Thương mại và kinh doanh	9
Tâm nhìn quốc tế	8
Giải trí	8
Thiên nhiên và môi trường tự nhiên	7
Văn hóa, lịch sử và nghệ thuật	7
Trật tự xã hội	4

➔ Thành phố môi trường theo mong mỏi của người dân, nhưng người dân không chỉ muốn không ô nhiễm

A8-18

Nguồn: DaCRISS HIS, 2008 36

■ Tầm nhìn và Mục tiêu đã điều chỉnh (giả định)

★ Đà Nẵng – Thành phố môi trường không bị ô nhiễm ★

- ✓ Cung cấp sự tiện nghi ở khu vực đô thị
- ✓ Không còn hộ nghèo – kinh tế phát triển
- ✓ Đảm bảo ổn định sinh thái
- ✓ Bảo tồn giá trị văn hóa
- ✓ Sự mến khách
- ✓ Đảm bảo an toàn, an ninh

37

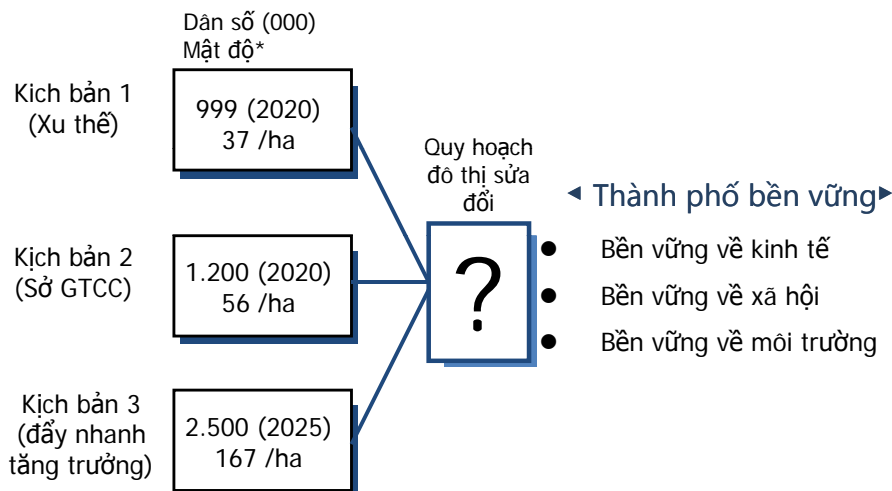
■ Khung phát triển thành phố Đà Nẵng

- ✓ Đà Nẵng phải đủ mạnh để đi đầu trong phát triển kinh tế khu vực miền Trung và cả nước
- ✓ Đà Nẵng phải tăng trưởng hơn nữa để tạo môi trường đầu tư hấp dẫn và cơ hội việc làm, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng ở miền Trung
- ✓ Một thành phố với dân số 1,2 – 1,5 triệu người không thể cung cấp dịch vụ đa dạng về chất và lượng
- ✓ Một thành phố muốn có tính cạnh tranh và có chức năng thực sự là trung tâm tăng trưởng của Vùng KTTĐ TB phải có dân số ít nhất là 2,5-3 triệu người.

➡ Cần có kịch bản tăng trưởng lớn hơn

38

■ Kịch bản phát triển đô thị

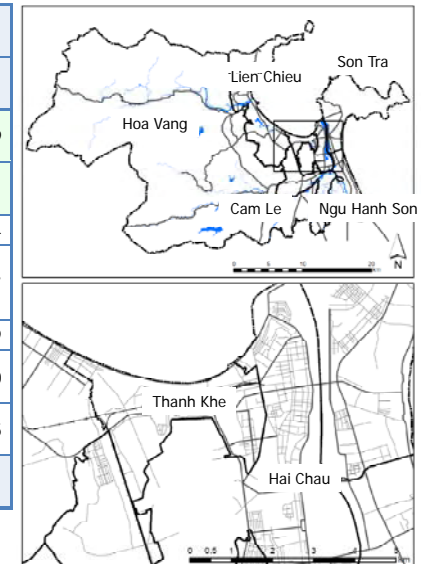


* Mật độ dân số rông : người/ha cho khu vực đô thị

■ Kịch bản 1 : Xu hướng (không tác động)

Quận/Huyện	Dân số (000)		Nhịp tăng (%/năm)		Mật độ dân số (người/ha)	
	2000	2007	2000-2004	2005-2007	Tổng ¹	Rông ²
Hải Châu	184	195	1.4	1.0	93	99
Thanh Khê	154	167	1.2	0.6	180	221
Sơn Trà	103	120	2.5	0.7	20	54
Ngũ Hành Sơn	46	54	2.4	1.2	15	17
Cẩm Lệ	60	68	2.3	3.1	21	29
Liên Chiểu	66	95	2.6	2.5	11	20
Hòa Vang	105	107	0.6	0.7	2	5
Đà Nẵng	716	807	1.6	1.2	6	21

1) Tổng diện tích
2) Trừ mặt nước, rừng v.v.



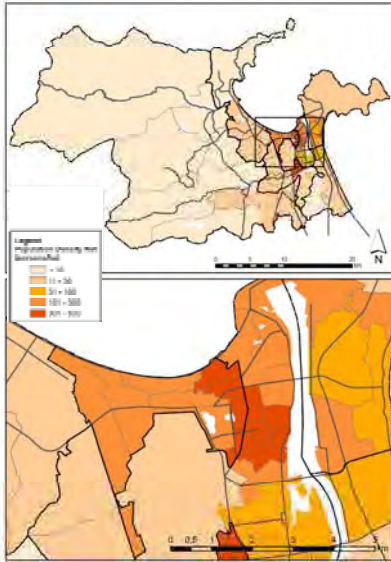
A8-19

40

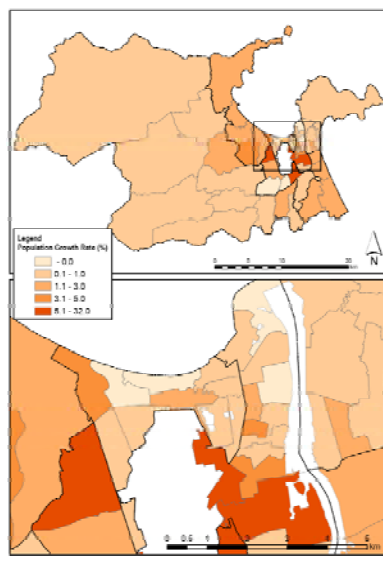
■ Mật độ và tăng trưởng dân số (05-07)

Đô thị đang mở rộng theo hướng bắc và nam, dọc các tuyến đường chính, mật độ thấp, tự phát

Mật độ dân số (2007)



Tăng trưởng dân số (2005-07)



41

■ Kịch bản 2 : Quy hoạch xây dựng hiện có

- ✓ Dân số năm 2020: 1,2 triệu
- ✓ Phát triển theo hướng Bắc – Nam
- ✓ Trung tâm không rõ ràng
- ✓ Mật độ tương đối thấp

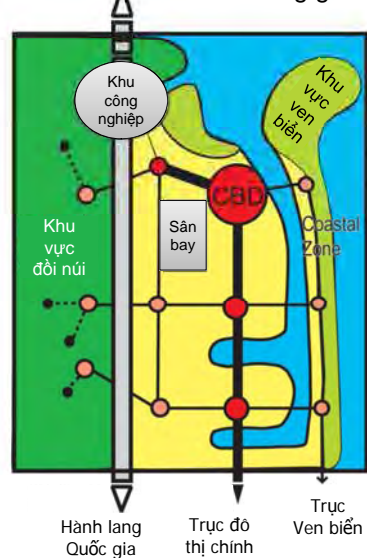


42

■ Kịch bản 3 : Đẩy nhanh tăng trưởng đô thị

- ✓ Dân số năm 2025: 2,5 – 3,0 triệu
- ✓ Phát triển theo trục Bắc – Nam
- ✓ Mật độ cao, sử dụng đất hỗn hợp
- ✓ Đa trung tâm
- ✓ Hành lang vận tải công cộng mạnh
- ✓ Mạng lưới không gian cây xanh

Cơ cấu phát triển không gian



43

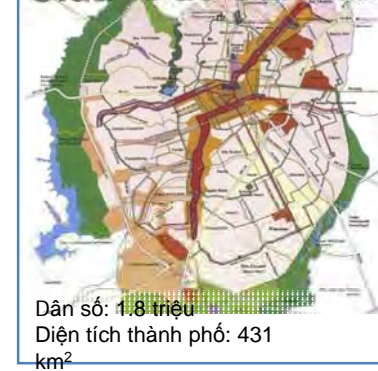
■ Hướng phát triển giao thông đô thị

Phát triển
đô thị
bền vững

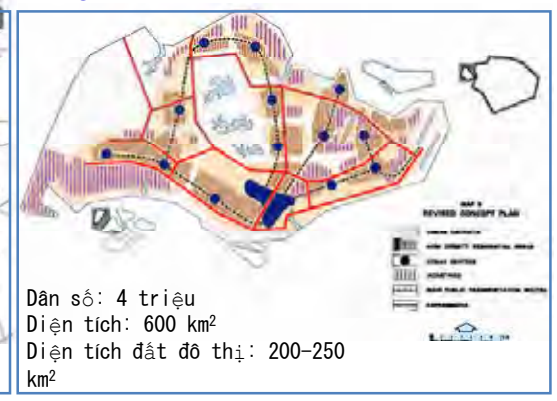
= Đô thị
dựa vào
vận tải công cộng

= Đô thị nhỏ
liên kết tốt với
vận tải công cộng

Curitiba
Cidade de Curitiba



Singapore



A8-20

So sánh kịch bản thay thế (sơ bộ)

		Kịch bản 1 : Xu thế	Kịch bản 2 : Quy hoạch	Kịch bản 3: Đầy mạnh
Số lược	Dân số (000)	999 (2020)	1.200 (2020)	2,5 – 3 triệu (2025)
	Diện tích đô thị (km ²)	244	244	244
	Mật độ dân số khu vực đô thị (người/ha)	37	56	167
Tính bền vững	Kinh tế: • Mức độ công nghiệp • Hấp dẫn đầu tư • Tác động tới vùng	Thấp: • Sử dụng đất không hiệu quả • Giảm hấp dẫn đầu tư • Ít tác động tới vùng	Trung bình:	Cao: • Trung tâm đô thị nhỏ, mật độ cao • Vị trí chiến lược cho các khu công nghiệp mới • Tăng cường kết nối với các tỉnh phụ cận
	Xã hội • Bất bình đẳng • Việc làm • Sử dụng dịch vụ	Thấp: • Cơ hội việc làm hạn chế • Tiếp tục di cư ra bên ngoài	Trung bình:	Trung tới cao: • tăng cường phát triển nguồn nhân lực • cải thiện điều kiện tiếp cận dịch vụ • Tăng cường khu vực sống
	Môi trường • Mức độ ô nhiễm • Bảo vệ sinh thái • Đối phó thiên tai	Thấp: • Tăng ô nhiễm • Hệ sinh thái bị tác động tiêu cực • Tăng rủi ro	Trung bình tới cao:	Trung tới cao: • Không bị ô nhiễm • Bảo tồn sinh thái • Tăng cường điều kiện hỗ trợ

Phương pháp tiếp cận quy hoạch tổng thể

◀ Nguyên tắc quy hoạch ▶

- Thành phố bền vững
- Khu đô thị nhỏ gọn
- Phát triển dựa trên vận tải công cộng
- Hệ thống vận tải công cộng cạnh tranh
- Môi trường sống tốt
- Không còn thiên tai
- Bảo vệ môi trường
- Khác

◀ Các yếu tố quy hoạch chiến lược▶

- Kết cấu hạ tầng (phần cứng, phần mềm, nguồn nhân lực)
 - ✓ Kết nối với thị trường toàn cầu
 - ✓ Kết nối liên tỉnh
 - ✓ Các dịch vụ chi phối nhu cầu
- Đầu tư
 - ✓ FDI
 - ✓ Doanh nghiệp vừa và nhỏ
 - ✓ Cơ hội đầu tư mới
- Thể chế
 - ✓ Môi trường đầu tư
 - ✓ Phối hợp liên ngành
 - ✓ Tham gia và tính minh bạch

Nghiên cứu sơ bộ các chuyên ngành chính

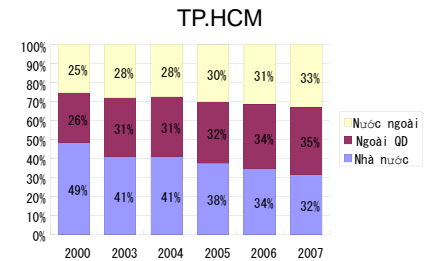
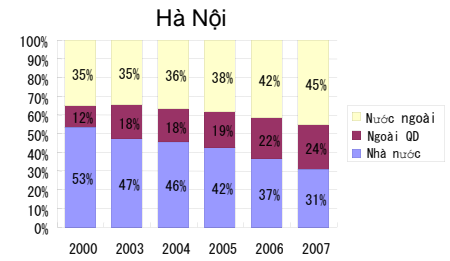
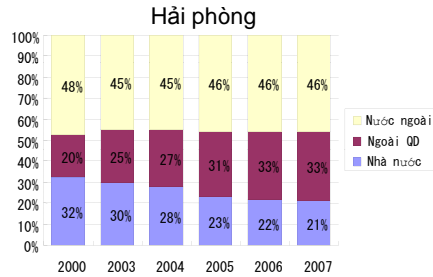
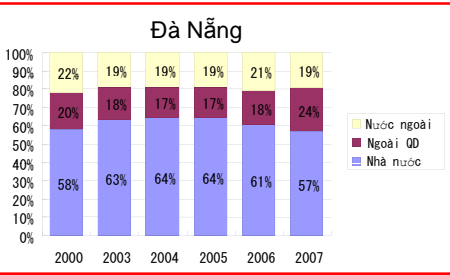
Phát triển kinh tế: Thành tựu và Mục tiêu

- ✓ Cần phải nỗ lực hơn nữa để đạt mục tiêu
- ✓ Ngành công nghiệp chiếm tỷ phần cao nhưng các dịch vụ của ngành này có xu hướng suy giảm

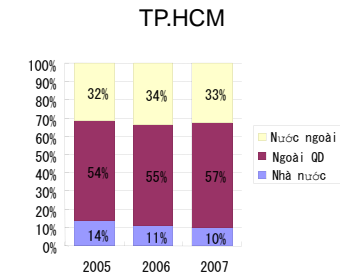
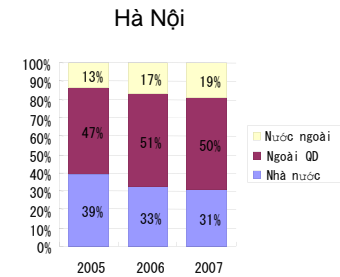
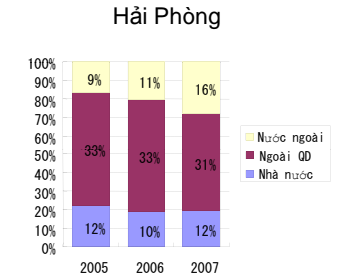
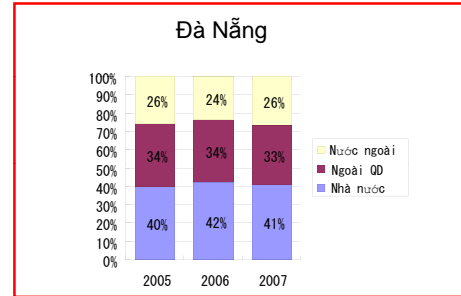
Tỷ lệ lao động (%)		Tăng trưởng GDP của Đà Nẵng					Xuất khẩu				
		GDP Ngành				Tổng	Triệu USD	Tăng trưởng %/năm			
Ngành	2005	2007	Nông.Lâm .Ngư	Công.Xây dựng	Dịch vụ				Tổng	Triệu USD	Tăng trưởng %/năm
Công nghiệp	18	18									
Thương mại/Sửa chữa	6	8									
Khách sạn/Nhà hàng	3	5									
Dịch vụ công/tư nhân	2	4									
Vận tải	4	3									
				THÀNH TỰU							
				2004	4.8	20.3	7.1	13.2	309	19	
				2005	10.2	16.6	11.1	13.8	349	13	
				2006	-10.2	1.3	21.3	9.0	377	8	
				2007	4.0	9.1	14.4	11.4	470	24	
				MỤC TIÊU							
				01-05	-	16.1	-	13.0	-	21-23*	
				06-10	-	15.5	-	14.0	1,720**	-	

* 2001-20 ** 2010

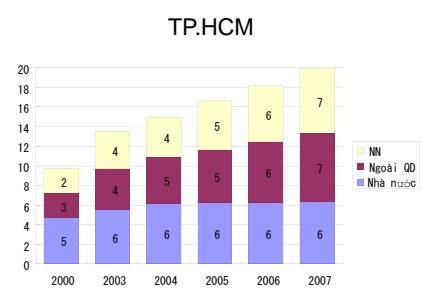
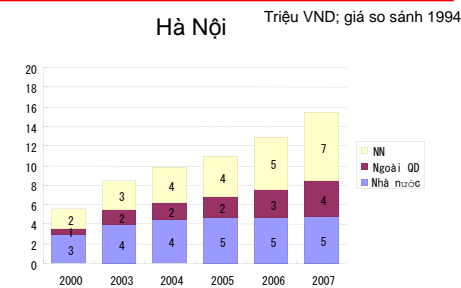
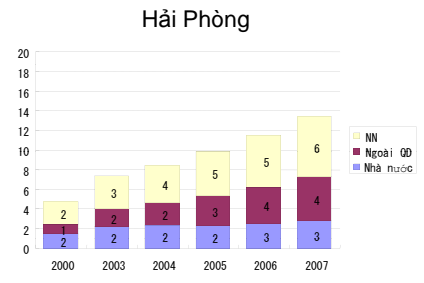
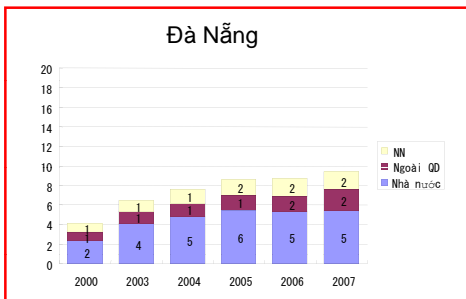
■ Cơ cấu kinh tế TP. Đà Nẵng: Khu vực nhà nước chi phối



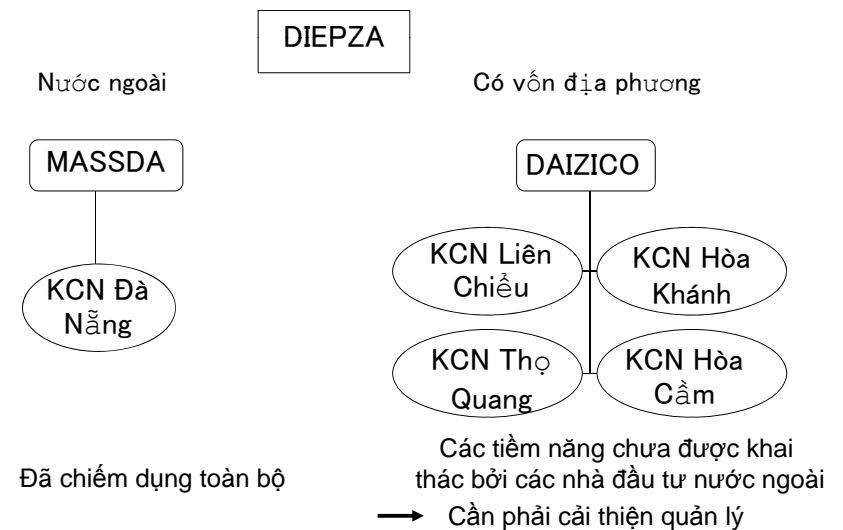
● Tỷ lệ lao động khu vực tư nhân thấp



■ Tổng sản lượng ngành tính trên đầu người theo từng khu vực



■ Thể chế quản lý khu công nghiệp tại Tp.Đà Nẵng



■ Định hướng thức đẩy phát triển kinh tế nhanh chóng

Thách thức

- Tiếp cận tài chính
- Tiếp cận đất
- Thị trường địa phương nhỏ
- Thiếu cơ sở hạ tầng
- Mức thu nhập thấp trong khu vực
- Thủ tục hành chính phức tạp

Cơ hội

- Giàu tài nguyên văn hóa/môi trường
- Lượng khách quốc tế và nội địa tăng
- Đầu mối giao thông đối với khu vực miền Trung
- Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài lớn
- Phát triển nguồn nhân lực có tính hấp dẫn

- Tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn hơn so với các khu vực cạnh tranh khác
- Hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân (kế hoạch kinh doanh, hạch toán, quản lý nguồn nhân lực...)
- Củng cố giáo dục bậc cao và du lịch
- Khai thác các ngành mới như công nghệ môi trường, y tế....
- Tăng cường liên kết giữa Đà Nẵng và các đầu mối khác trong khu vực Châu Á

■ Phát triển du lịch

◀ Khó khăn và thách thức ▶

- Thiếu tính đồng bộ về tài nguyên du lịch và điểm đến
- Thiếu nhận thức
- Tính thời vụ
- Thiếu nguồn nhân lực đã qua đào tạo
- Dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai
- Năng lực vận tải
- Thiếu cơ sở hạ tầng

◀ Thuận lợi và cơ hội ▶

- Đa dạng các tài nguyên môi trường và văn hóa chất lượng cao (từ miền núi đến miền biển)
- Cửa ngõ đối với tiểu vùng sông Mekong và Khu vực miền Trung
- Trung tâm hội nhập
- Nhu cầu quốc tế và nội địa gia tăng
- Hiệu quả thông qua phối hợp giữa các tỉnh thành

- Tăng cường chức năng cửa ngõ đến/ra thế giới
- Hội nhập điểm đến/tài nguyên du lịch hội trong khu vực
- Tạo môi trường thân thiện thông qua chuyển đi

54

■ Phương án lựa chọn và các vấn đề môi trường

Lĩnh vực/Ngành	Các vấn đề xác định chính	Phương án
Tài nguyên đất	<ul style="list-style-type: none"> • Khai thác/cải tạo đất gắn với hậu quả về môi trường, bao gồm ổn định đất, chi phí kết cấu hạ tầng dịch vụ 	<ul style="list-style-type: none"> • Định hướng quy hoạch tổng thể và quy hoạch giao thông vận tải (xây dựng lại đường và cải thiện kế hoạch quản lý giao thông) • Chính sách sử dụng đất chặt chẽ • Quy trình đánh giá tác động môi trường chặt chẽ • Quy hoạch tổng thể cho khu vực nông thôn
Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> • Tính bất ổn định dài hạn về tình trạng nước sông (thay đổi khí hậu) • Nhu cầu nước gia tăng, đặc biệt trong mùa khô (du lịch) • Độ mặn của các sông • Tính bất ổn về chất lượng nước ngầm 	<ul style="list-style-type: none"> • Phương pháp tiếp cận đồng bộ đối với quản lý lưu vực sông (WRM) • Xây dựng các hồ chứa? • Giám sát (Bao gồm mạch nước ngầm) • Quản lý hệ thống giám sát
Nguồn nước	<ul style="list-style-type: none"> • Mở rộng mạng lưới phân phối • Lãng phí về nước 	<ul style="list-style-type: none"> • Nhận thức người dân và điều chỉnh mức phí • Cơ chế quản lý nhu cầu nước và giảm NRW • Cải thiện dịch vụ cấp nước
Thoát nước và xử lý nước thải	<ul style="list-style-type: none"> • Chưa đạt năng lực công thải • Nước thải công nghiệp chưa được xử lý • Nước thải bệnh viện chưa được xử lý • Thiếu mạng lưới cấp ba và thứ cấp • Kết nối giữa các khu nghỉ dưỡng • Nhiều trường hợp chưa đạt tiêu chuẩn • Thiếu quy hoạch tổng thể • Lợi nhuận của ngành 	<ul style="list-style-type: none"> • Điều chỉnh phí • Thực hiện quy định • Thực hiện tốt việc vận hành và bảo trì hệ thống xử lý nước thải • Tăng cường thể chế công ty thoát nước • Thu phí nước thải

55

■ Phương án lựa chọn và các vấn đề môi trường

Lĩnh vực/Ngành	Các vấn đề xác định chính	Phương án
Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> • Xử lý chất thải công nghiệp • Xử lý chất thải y tế • Lợi ích của ngành 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiện đại hóa Khan Sơn và cải thiện công trình xử lý chất thải rắn y tế • Nhận thức người dân và điều chỉnh mức phí • Các ngành phải trả phí cho dịch vụ xử lý và hỗ trợ kỹ thuật • Sản xuất và bán năng lượng từ metan • Củng cố URENCO (MIS/GIS...)
Quản lý khu vực ven biển	<ul style="list-style-type: none"> • Ô nhiễm do nguồn chất thải (Vịnh Đà Nẵng) 	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm soát cải tạo đất
Thiên tai và thảm họa công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> • Bão • Sạt lở đất • Xói mòn ven bờ 	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng lại môi trường tự nhiên ven biển • Quy định • Hệ thống báo động (ô nhiễm do tai nạn) • Phân bổ các khu hồ chứa chống lụt bão ở khu vực nông thôn?
Nhận thức người dân, Di sản thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> • Các hoạt động trái phép (săn, bắt, chặt phá rừng...) • Cần cải thiện nhận thức của người dân, đặc biệt là các nhóm bị ảnh hưởng 	<ul style="list-style-type: none"> • Bảo tồn khu du lịch đối với du khách và người dân địa phương • Ưu tiên đầu tư phần mềm (Đường lối, thông tin tín hiệu, lối dành cho người đi bộ....) đến phần cứng (điện thoại, đường tiếp cận.....) • Chương trình nhận thức về môi trường • Nâng cao trình độ nghiên cứu và giáo dục
Không khí	<ul style="list-style-type: none"> • Khí công nghiệp • Bụi xây dựng 	<ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống quản lý chất lượng không khí • Thực thi luật • Quản lý hệ thống giám sát • Thúc đẩy giao thông công cộng và phương tiện không động cơ (bao gồm an toàn giao thông cho người đi xe đạp)

A8-23

56